TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOAMÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: Kinh tế môi trường
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Kinh tế môi trường
Tiếng Việt:	Kinh tế môi trường
Tiếng Anh:	Environmental economics
Mã số học phần:	18 03 14 102
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 8
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	9 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết

Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	1 tiết
Thời gian tự học:	60 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản lý môi trường
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Môi trường - Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học Kinh tế và Môi trường trang bị cho sinh viên năm thứ 3 những kiến thức cơ bản về kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực quản lý môi trường và phát triển bền vững. Từ đó môn học này giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môi trường đối với nền kinh tế, tác động của hệ kinh tế đến môi trường, lý giải được các nguyên nhân ô nhiễm và suy thoái môi trường và ứng dụng các công cụ kinh tế vào trong các giải pháp bảo vệ môi trường.

Học phần cung cấp các phương pháp tính toán, phân tích chi phí và lợi ích môi trường cho các phương án bảo vệ môi trường hay lựa chọn các dự án môi trường và các công cụ kinh tế trong chính sách, quản lý môi trường theo định hướng phát triển bền vững kinh tế và môi trường.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần *(CGs)*	**Mô tả** *(Course goal description)* *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)*	**Chuẩn đầu ra CTĐT** (ELOs)
CG1	Nắm bắt các kiến thứcvề kinh tế để giải quyết vấn đề môi trường và ngược lại.	**ELO2, ELO4**
CG2	Vận dụng thành thạo phương pháp phân tích chi phí và lợi nhuận (CBA) để so sánh lựa chọn các giải pháp.	**ELO2, ELO4**
CG3	Vận dụng phù hợp các công cụ kinh tế để bảo vệ môi trường và tài nguyên cho các tình huống đối tượng cụ thể.	**ELO2, ELO4,**
CG4	Phát triển lỹ năng lập luận, tư duy logic, phân tích và đánh giá vấn đề đáp ứng được các nhu cầu trong công việc độc lập và theo nhóm.	**ELO8, ELO12**

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP*[1]*	**Mô tả CĐR học phần** *[2]* *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)*	**Chuẩn đầu ra CTĐT***[3]*
CELO1	Nắm bắt kiến thức kinh tế cung cầu; các quy luật PPP, BPP, VPP và tương quan giữa kinh tế và môi trường, xã hội trong phát triển bền vững.	ELO2, ELO4
CELO2	Vận dụng các phương pháp CBA, phương pháp tính quota ô nhiễm, tính phí bảo vệ môi trường.	ELO2, ELO4.
CELO3	Vận dụng được các công cụ quản lý dựa vào thị trường nhưthuế, phí, Quota ô nhiễm, giấy phép chuyển nhượng, ký quỹ hoàn chi, bồi thường thiệt hại để quản lý môi trường.	ELO2, ELO4,
CELO4	Nắm được các quy định pháp lý của Việt Nam và kinh nghiệm vận dụng các công cụ kinh tế.	ELO4
CELO5	Phát triển kỹ năng phản biện trong quá trình làm việc nhóm, thích nghi các môi trường làm việc, có ý thức bảo vệ môi trường.	ELO8, ELO12

Ghi chú: Nhóm chuẩn đầu ra kiến thức: CELO1,CELO2, CELO3, CELO4

Nhóm chuẩn đầu ra kỹ năng: CELO5

Nhóm mức độ tự chủ và trách nhiệm: CELO2, CELO3, CELO4, CELO5.

Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần	**CĐR của CTĐT**				
	ELO2	**ELO4**	**ELO8**	**ELO10**	**ELO12**
CELO1	M	H			
CELO2	M	H			
CELO3	M	H			
CELO4		H			
CELO5			H		M

Ghi chú: H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy-học tập

Phương pháp giảng dạy áp dụng theo quy định trong công văn số 03/CV-KMtr của khoa môi trường:

(1). Phương pháp thuyết trình (Lecturing) ☒

(2). Phương pháp động não (Brainstorming) ☒

(3). Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share)

(4). Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) ☒

(5). Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning) ☒

(6). Phương pháp đóng vai (Role playing)

(7). Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning)

(8). Phương pháp mô phỏng (Simualtion)

(9). Nghiên cứu tình huống (Case studies)

(10). Phương pháp tham quan thực tế (Fieldtrip/xem video)

(11). Phương pháp Dạy học thông qua làm đồ án/ thực hành/thực tập

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: điểm bài thi giữa kỳ + điểm bài tập nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn☐ Thực hành☐ Khác☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: bài thi cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☒ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	**Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]**	**Nội dung đánh giá [3]**	**CĐR học phần (CELO.x.x) [4]**	**Số lần đánh giá/thời điểm [5]**	**Tiêu chí đánh giá [6]**	**Phương pháp đánh giá [7]**	**Tỷ lệ (%) [8]**
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Bài tập nhóm	Kiến thức, kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3.	Làm bài tập nhóm theo	- Đúng theo đáp án. - Theo	- PP quan sát - PP phỏng	10%

				tuần.	rubric 4	vấn.	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Bài thi giữa kỳ	Kiến thức, kỹ năng	CELO1, CELO2.	1 lần 20 câu/20 phút	- Đáp ứng yêu cầu của đáp án. - Theo rubric 2	- PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối khóa (trắc nghiệm + tự luận)	Kiến thức, kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4.	1 lần trong 60 phút	- Đáp ứng yêu cầu của đáp án. - Theo rubric 2, 5	- PP viết	70%

5.3. Rubric đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá kết quả học tập của môn học áp dụng theo ma trận rubric quy định cho môn học lý thuyết theo quy định của Khoa Môi trường trong công văn 04/CV – KMtr.

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	**Giới thiệu môn học (1 tiết)** - Giới thiệu mục tiêu và chuẩn đầu ra môn học - Giới thiệu nội dung, phương pháp học - Giới thiệu các yêu cầu bài tập cá nhân, nhóm và các cách đánh giá kết quả học tập, rubric của môn học	**- PPGD:** Thuyết giảng	
2	**Chương 1: Tổng quan về kinh tế môi trường** ***A/* Các nội dung: (2 tiết)** 1.1. Các khái niệm kinh tế cơ bản	**- PPGD:** Thuyết giảng, hỏi đáp. **- Học ở lớp:** SV lắng nghe, ghi chép và tham gia	**CELO1**

	1.2. Khái niệm Kinh tế môi trường 1.3. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững 1.4. Mâu thuẫn trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường	thảo luận, trả lời câu hỏi khi GV yêu cầu - **Các câu hỏi**: + Tăng trưởng kinh tế, Phát triển bền vững là gì? + Mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường?	
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:**(6 tiết)** - Ôn lại phần lý thuyết trên lớp - Phân tích vai trò của môi trường đối với nền kinh tế - Hãy trình bày các nguyên tắc của nền kinh tế bền vững. Những điểm cần ghi nhớ khi xem xét nền kinh tế bền vững?		
3	**Chương 2: Kinh tế lượng** ***A/* Các nội dung chính trên lớp*:* (3 tiết)** 2.1. Đặt vấn đề 2.2. Mô hình thị trường, cung và cầu và thặng dư xã hội	**- PPGD:** + GV đưa ra vấn đề cung-cầu và đặt câu hỏi. SV động não và trả lời. + GV thuyết trình lý thuyết về cung cầu, thị trường và thặng dư. Hỏi đáp, động não. 1. Cung, cầu là gì? 2. Thế nào là dư cung, dư cầu, cân bằng thị trường? **- Học ở lớp:** + Sinh viên nắm chắc lý thuyết và áp dụng vào bài tập cá nhân về cung cầu, chi phí biên.	**CELO1, CELO5**
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:(6 tiết)** - Ôn lại phần lý thuyết trên lớp gồm các nội dung cung-cầu, thị trường. Thế nào là cân bằng thị trường, dư cung, dư cầu. - Làm bài tập cung, cầu - Bài tập chi phí biên, lợi nhuận biên		
4	**Chương 2: Kinh tế lượng (tt)** ***A/* Các nội dung chính trên lớp*: (*3 tiết)** 2.3. Ngoại ứng 2.4. Thất bại thị trường 2.5. Bài tập cung, cầu	**- PPGD:** GV thuyết trình lý thuyết về ngoại ứng, thất bại thị trường. Hỏi đáp, động não. **- Học ở lớp:** Sinh	**CELO1, CELO5**

	2.6. Bài tập chi phí biên, lợi nhuận biên ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà:(6 tiết)** - Tìm hiểu: Ngoại ứng là gì? Khi nào ngoại ứng được xem là một loại chi phí? Tại sao ô nhiễm lại là một chi phí ngoại ứng?	viên nắm chắc lý thuyết và trả lời các câu hỏi: + Ngoại ứng là gì? Ngoại ứng tích cực và ngoại ứng tiêu cực là gì? + Thất bại thị trường là gì? SV làm bài tập cung, cầu.	
5	**CHƯƠNG 3: KINH TẾ Ô NHIỄM** ***A/* Các nội dung chính trên lớp*: (3 tiết)** 3.1. Lý thuyết kinh tế ô nhiễm (BPP, PPP và VPP) 3.2. Cách xác định mức ô nhiễm tối ưu ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)** - Ôn lại các nội dung lý thuyết trên lớp gồm người gây ô nhiễm trả tiền, người hưởng lợi trả tiền, người chịu ô nhiễm trả tiền. Lấy vị dụ thực tế từng trường hợp - BT về ô nhiễm tối ưu	- **PPGD**: GV thuyết trình lý thuyết về kinh tế ô nhiễm. Hỏi đáp, động não. **- Học ở lớp:** Sinh viên nắm chắc lý thuyết và trả lời các câu hỏi: + Người gây ô nhiễm phải trả tiền (PPP) là gì? + Người hưởng lợi phải trả tiền (BPP) là gì? + Người chịu ô nhiễm phải trả tiền (VPP) là gì?não. SV làm bài tập ô nhiễm tối ưu	**CELO1, CELO4, CELO5**
6	**CHƯƠNG 3: KINH TẾ Ô NHIỄM (tt)** ***A/* Các nội dung chính trên lớp*:(3 tiết)** 3.2. Định lý Coase – quyền sở hữu tài sản 3.3. Giải pháp thị trường cho ô nhiễm tối ưu 3.4. Giải pháp nhà nước đối với quản lý ô nhiễm. ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)** - Trình bày khả năng thông qua thị trường để điều chỉnh lượng chất thải của một hệ thống	- **PPGD**: + Giảng viên thuyết trình lý thuyết về quyền sở hữu, giải pháp thị trường cho ô nhiễm tối ưu. + SV làm bài tập nhóm về quyền sở hữu tài sản,	**CELO1, CELO4, CELO5**

	kinh tế - theo lý thuyết Coase? - So sánh nội dung và hiệu quả của việc sử dụng thuế và tiêu chuẩn môi trường trong việc điều chỉnh ô nhiễm.		
7	**CHƯƠNG 4: CÁC CÔNG CỤ KINH TẾ MÔI TRƯỜNG** ***A/* Các nội dung chính trên lớp*: **(3 tiết)** 4.1. Phí/ thuế bảo vệ môi trường/ô nhiễm. 4.2. Thuế tài nguyên. 4.3. Phí/Thuế tái chế. ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)** - Ôn lại lý thuyết trên lớp về thuế phí. - Hãy kể tên các sản phẩm độc quyền? - Vẽ đồ thị đối để thể hiện người tiêu dùng trả nhiều tiền thuế? Người sản xuất trả nhiều tiền thuế? - Tra cứu tài liệu các trường hợp điển hình. - Làm bài tập về thuế, phí.	- **PPGD**: + Giảng viên thuyết trình lý thuyết về công cụ như thuế bảo vệ môi trường, phí ô nhiễm, thuế tài nguyên, giấy phép chuyển nhượng ô nhiễm... + GV đưa ra các vấn đề về thuế phí. SV động não và trả lời: Câu hỏi: 1. Sản phẩm độc quyền là gì? 2. Đối với những sản phẩm nào thì người tiêu dùng trả nhiều tiền thuế? Người sản xuất trả nhiều tiền thuế? SV làm bài tập về thuế, phí.	**CELO3, CELO4,**
8	**CHƯƠNG 4: CÁC CÔNG CỤ KINH TẾ MÔI TRƯỜNG (tt)** ***A/* Các nội dung chính trên lớp*:**(2 tiết)** 4.4. Giấy phép chuyển nhượng ô nhiễm 4.5. Ký quỹ hoàn chi 4.6. Kinh tế chất thải/kinh tế tuần hoàn 4.8. Đền bù thiệt hại 4.9. Bài thi giữa kỳ *(1 tiết)*	**PPGD**: + Giảng thuyết trình lý thuyết về tiêu chuẩn môi trường, giấy phép chuyển nhượng. + GV đưa ra phương pháp học dựa trên vấn đề. SV lắng nghe và ghi chép. + Sinh viên làm bài tập về chuyển	**CELO3, CELO4**
	***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: **(6 tiết)** Tra cứu tài liệu các trường hợp điển hình		

	Tại sao việc áp dụng Quota ô nhiễm có thể giúp người gây ô nhiễm tối thiểu hoá chi phí do ô nhiễm Bài tập tính chi phí chuyển nhượng quota ô nhiễm.	nhượng quota.	
9	**CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH** ***A/* Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)** 5.1. Khái niệm phân tích chi phí lợi ích 5.2. Nguyên tắc quyết định của xã hội 5.3. Giá sẵn lòng trả & Giá sẵn lòng chấp nhận 5.4. Các phương pháp tính toán lợi nhuận 5.5. Bài tập ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)** - Ôn lý thuyết và làm bài tập về phân tích chi phí lợi ích. - WTP, WTA là gì? Điểm khác biệt cơ bản giữa WTP và WTA? Trình bày cơ sở của việc sử dụng WTP và WTA để ước tính giá trị chi phí - lợi ích của môi trường.	**PPGD**: + GV Giảng thuyết trình + SV lắng nghe giảng. + Phương pháp học dựa tình huống +SV làm bài tập theo nhóm	**CELO2, CELO5**
10	**CHƯƠNG 6: KINH TẾ TÀI NGUYÊN** ***A/* Các nội dung chính trên lớp*: (3 tiết)** 6.1. Tài nguyên tái tạo 6.2. Tài nguyên không tái tạo 6.3. Xác định thời gian khai thác tối ưu ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**:**(6 tiết)** - Tra cứu tài liệu, phân tích thông tin dữ liệu - Xác định được thòi gian khai thác tối ưu với từng loại tài nguyên	- **PPGD**: + GV giảng lý thuyết về kinh tế tài nguyên. Sinh viên học, động não và trả lời các câu hỏi về tài nguyên. Câu hỏi: 1. Thế nào là tài nguyên tái tạo? Không tái tạo? 2. Cách xác định thời gian tối ưu để khai thác tài nguyên? + SV Tra cứu tài liệu, phân tích + Làm bài tập theo nhóm	**CELO1, CELO5**

11	***A/* Các nội dung chính trên lớp*:* (3 tiết)** - Công bố điểm quá trình - Kiểm tra (QUIZ) - Hướng dẫn ôn tập và giải đáp thắc mắc - Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo	- Bài tập theo nhóm	**CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5**
	***B/.* Các nội dung cần tự học ở nhà**:**(6 tiết)** - SV chuẩn bị tất cả các bài tập của các chương để sửa bài		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	**CELO2**	**CELO3**	**CELO4**	**CELO5**
Chương 1	M				
Chương 2	M				H
Chương 3	M			H	H
Chương 4			H	H	H
Chương 5		H			H
Chương 6	M				H

Ghi chú: H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Hoàng Xuân Cơ, Kinh tế môi trường, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2008.

2. Scott J. Callan, *Janet M. Thomas* - *Environmental Economics & Management: Theory, Policy, and Applications*, Thompson South-Western, 1996.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thế Chinh, Kinh tế và Quản lý môi trường, Trường Đại học kinh tế quốc dân, 2003

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài, thực hiện quá 3 lần sẽ được coi là không hoàn thành khóa học và đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về tự học

Sinh viên trước và sau mỗi bài học trên lớp cần dành thời gian đọc bài, làm bài tập nhóm theo yêu cầu môn học

Thời gian tự học dành cho môn học tối thiểu 60 tiết

Sinh viên vắng 1 buổi học trên lớp tự học phần kiến thức vắng mặt và liên lạc với các bạn trong nhóm để học và bổ sung kiến thức

Sinh viên phải làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nộp trên đường link google drive do giảng viên cung cấp đúng thời hạn quy định.

8.4. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8.5. Quy định phản hồi thông tin

Sinh viên tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên về môn học và chất lượng đào tạo của khoa theo đường link sau đây vào cuối kỳ.

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScwei1Az3E-s1pLTDfwqjAshALX4Vz5b61jcCmYgHG-Aul48w/viewform

9. Giảng viên phụ trách môn học

- Giảng viên phụ trách môn học: Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Trang

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà + ThS. Sử Thị Oanh Hoa + ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang.

- Địa điểm liên lạc: Văn phòng Khoa Môi Trường – Phòng B211 – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM - 236 B Lê Văn Sỹ - Phường 01 – Quận Tân Bình – Tp HCM.

10. Ngày phê duyệt: 02/07/2020.